

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS-ST  
Ngày: 20/01/2026  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Sỹ Khả

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Xuân Hải

Ông Nguyễn Đăng Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N V V, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ dân phố 6 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt)

Bị đơn: Bà L T T, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Văn Hiền, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố 4 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Vịnh, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ dân phố 6 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh. (Có văn bản ủy quyền cho ông N V V)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông N V V trình bày như sau:

Ông N V V chơi thân với ông N V H– chồng bà L T T. Do cùng đồng niên nên ông V có nhiều lần đến nhà ông Hiền chơi và biết ông Hiền là giám đốc công ty tôn đồng thời là người trực tiếp điều hành kinh doanh. Trước ngày 19/5/2020, bà T hỏi vay và được ông V đồng ý cho vay số tiền 400.000.000 đồng với mục đích để kinh doanh tôn. Số tiền 400.000.000 đồng này là của vợ chồng ông V và bà Vịnh. Thời điểm vay hai bên không lập giấy tờ mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Hàng tháng, bà T trả lãi đầy đủ cho ông V. Sau đó một thời gian bà T không trả lãi được nên ngày 19/5/2020 bà T có viết cho ông V 01 giấy nhận tiền. Trong giấy biên nhận không thể hiện ngày trả gốc và lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,0%/tháng. Từ đó đến nay, bà T không trả ông V được khoản tiền gốc và lãi nào. Hằng năm, đến dịp giáp tết ông V đến nhà bà T để đòi tiền thì bà T nhất quyết không trả. Tại đơn khởi kiện, ông V yêu cầu ông Hiền và bà T có trách nhiệm trả lại cho ông V và bà Vịnh số tiền 620.000.000 đồng trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi là 220.000.000 đồng tính đến hết tháng 7/2025. Ngoài ra ông V không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2025 của ông N V V thể hiện ông V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông N V H vì ông Hiền không có liên quan. Ngày 25/11/2025 bà T trả ông V số tiền 10.000.000 đồng.

#### **Đối với phía bị đơn bà T và ông Hiền:**

Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho ông Hiền và bà T đồng thời đến nhà ông Hiền và bà T để lấy lời khai nhưng bà T, ông Hiền từ chối làm việc nên Tòa án không thể lấy được lời khai của ông Hiền và bà T theo quy định.

#### **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Vịnh trình như sau:**

Bà Vịnh là vợ của ông V. Số tiền 400.000.000 đồng mà ông V cho bà T vay là tiền chung của vợ chồng bà. Khi ông V cho bà T vay tiền thì bà biết nhưng bà không ký tên trong giấy vay tiền vì nghĩ ông V ký là được rồi. Nay ông V khởi kiện, bà Vịnh cũng thống nhất nội dung như ông V trình bày. Bà Vịnh không có tranh chấp gì với số tiền này. Bà Vịnh bận công việc và sức khỏe yếu nên đã ủy quyền cho ông V tham gia trong vụ án này.

Tại phiên tòa,

Ông V không xuất trình được căn cứ xác định hai bên thỏa thuận miệng lãi suất vay là 1%/tháng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà T đã trả, ông V đồng ý trừ vào gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 390.000.000đ, Ngày 07/10/2025 ông khởi kiện và được Tòa án thụ lý vụ án, do vậy ông đề nghị Tòa án tính lãi từ ngày

07/10/2025 theo quy định của pháp luật là 10%/năm trên số nợ gốc là 390.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh đánh giá việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 235, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N V V đối với bị đơn ông N V H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N V V. Buộc bà L T T có trách nhiệm trả cho ông N V V và bà Ngô Thị Vịnh số tiền nợ gốc là 390.000.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 10%/năm kể từ ngày thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông N V V khởi kiện yêu cầu bà L T T trả lại số tiền gốc và lãi là 610.000.000 đồng. Bị đơn bà L T T có nơi cư trú tổ dân phố 4 Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh.

[1.2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có ủy quyền cho nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện với ông Nguyễn Văn Hiên. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông

V đối với ông Hiền về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với trách nhiệm liên đới phải trả số tiền vay.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông N V V yêu cầu bà L T T trả số tiền vay gốc và lãi, căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Trong vụ án này, các bên xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 19/5/2020, không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L T T không trả lãi cho ông N V V, ngày 25/11/2025 bà T trả cho ông V số tiền 10.000.000 đồng, được trừ vào tiền gốc. Việc trả tiền của bà T thể hiện việc thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền vay. Căn cứ Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại kể từ thời điểm người có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối, không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không xem xét áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N V V:

[4.1] Trước ngày 19/5/2020, ông V cho bà L T T vay số tiền 400.000.000 đồng, đến nay 19/5/2020 bà T có viết giấy vay tiền ngày có nội dung “Tôi tên là: Nguyễn Thị T. Tôi có vay của anh (chị) N V V số tiền là 400.000.000 đồng, ...” giấy vay tiền chỉ có bà L T T ký tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian T toán. Ngày 25/11/2025 bà T trả ông V 10.000.000đ tiền gốc.

Bà L T T đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của ông N V V và Thông báo công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia hòa giải mà cố tình trốn tránh, không đến Tòa án trình bày ý kiến, khi Tòa án đến nhà để lấy lời khai về việc vay nợ trên thì bà T từ chối làm việc với Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai của ông V và bà Vịnh đều xác định số tiền 400.000.000 đồng mà ông V cho bà T vay là tài sản chung của vợ chồng ông V và bà Vịnh. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định có sự việc bà L T T vay tiền của ông N V V và bà Ngô Thị Vịnh.

[4.2] Về số tiền vay gốc: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 19/5/2020 xác định số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, ngày 25/11/2025 bà T trả ông V 10.000.000đ, ông V đối trừ số tiền này vào nợ gốc, vậy số tiền nợ gốc bà T nợ ông V là 390.000.000đ. Sau năm 2020 ông V hàng năm vẫn đòi bà T nên xác định thời gian bà T vi phạm nghĩa vụ từ năm 2020. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông N V V là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4.3] Về lãi suất: Xét thấy tại giấy vay tiền ngày 19/5/2020, hai bên không ghi rõ thời hạn trả nợ và lãi suất là bao nhiêu. Tại đơn khởi kiện ông V yêu cầu bà T phải trả lãi theo mức lãi suất là 1%/tháng kể từ thời điểm vay cho tháng 7/2025. Tuy nhiên tại phiên tòa ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, nay ông V yêu cầu bà T trả lãi trên số nợ gốc là 390.000.000đ, lãi suất bằng 10%/năm cho đến ngày 20/01/2026. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vậy số tiền lãi mà bà L T T phải trả cho ông N V V và bà Ngô Thị Vịnh là  $390.000.000đ \text{ nợ gốc} \times 10\%/\text{năm} \times 106 \text{ ngày} = 11.326.027 \text{ đồng}$ .

[4.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L T T có trách nhiệm trả ông N V V và bà Ngô Thị Vịnh tổng số tiền là 401.326.027 đồng (trong đó số tiền gốc là 390.000.000đ, số tiền lãi là 11.326.027 đồng).

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Án phí: Bà L T T là người có lỗi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên bà T là người cao tuổi được xem xét miễn án phí theo quy định, nhưng bà T không trình bày về hoàn cảnh và có đơn xin miễn án phí, do vậy không đủ điều kiện xem xét nên buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 235, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N V V đối với bị đơn ông N V Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với số tiền 610.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà L T T phải trả cho ông N V V và bà Ngô Thị Vĩnh số tiền là 401.326.027 đồng (trong đó số tiền gốc là 390.000.000đ, số tiền lãi là 11.326.027 đồng).

Kể từ ngày 21/01/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn thị T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền gốc chưa T toán theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà L T T phải chịu 20.053.041 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có ù thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 7 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 7 – Bắc Ninh ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Sỹ Khả**